

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 - 2024

V/v: Chị Bùi Thị L xin ly hôn anh

Phạm Đình V

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Vân Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1983; nơi thường trú: Thôn X, xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

***- Bị đơn:*** Anh **Phạm Đình V**, sinh năm 1985; nơi thường trú: Thôn X, xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:***

Chị và anh Phạm Đình V tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05 tháng 01 năm 2015 tại UBND xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái

Bình. Chị kết hôn lần 2 và đã có 01 con riêng, anh V kết hôn lần đầu. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn do nhiều năm chung sống mà anh chị vẫn không có con chung. Anh V thường uống rượu say, về nhà đánh, chửi chị. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là ngày 30 Tết năm 2022, anh V lấy dao chém vào xe máy của chị, chị phải báo Công an xã nhờ can thiệp. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ đầu năm 2023 đến nay, chị và anh V sống ly thân, không ăn chung, không ngủ chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân giữa chị và anh V không còn ràng buộc, do đó, chị xin ly hôn anh V, không chấp nhận đoàn tụ.

Chị và anh Phạm Đình V không có con chung.

Về chia tài sản chung, chị và anh Phạm Đình V tự thỏa thuận phân chia, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, chị và anh V có 02 khoản nợ chung, gồm: Tháng 4/2023, vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện V, số tiền vay 200 triệu đồng, thời hạn vay 02 năm, theo hợp đồng tín dụng số 3402 LAV 2021 02008 ký kết ngày 09/4/2021, hiện dư nợ gốc còn 120 triệu đồng. Tháng 4/2024, vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V, gồm khoản vay sản phẩm vay hộ mới thoát nghèo 40 triệu đồng và khoản vay sản phẩm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn 20 triệu đồng, hiện dư nợ gốc còn 60 triệu đồng. Quá trình vay nợ, anh V thực hiện việc trả nợ gốc, nợ lãi đầy đủ, không có vi phạm. Đối với 02 khoản nợ trên, chị không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn này. Nếu sau này bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có yêu cầu, các bên sẽ giải quyết với nhau bằng một vụ án dân sự khác.

Chị tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (phần của chị và phần của anh V nếu anh V phải nộp). Do chị bận công việc, không xin nghỉ được, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

**\* Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 11 tháng 9 năm 2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Đình V trình bày:**

Về thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn, anh Phạm Đình V trình bày như chị Bùi Thị L đã khai. Về mâu thuẫn giữa anh và chị L là có nhưng không lớn, không đến mức phải ly hôn. Anh chị có xảy ra cãi vã là do áp lực cuộc sống, áp lực con cái. Từ năm 2023 đến nay, anh chị hầu như không quan tâm đến nhau. Nay chị L xin ly hôn anh, trước đây anh muốn kéo dài thời gian để chị L suy nghĩ

lại quay về đoàn tụ nhưng đến thời điểm này anh thấy mâu thuẫn giữa anh chị không thể hàn gắn, anh muốn đoàn tụ nhưng chị L cương quyết ly hôn, do đó, anh đồng ý như theo đơn của chị L, anh thuận tình ly hôn.

Anh và chị Bùi Thị L không có con chung.

Về chia tài sản chung, anh và chị Bùi Thị L tự thỏa thuận phân chia, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh và chị Bùi Thị L có 02 khoản nợ chung như chị L đã khai. Đối với khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V, anh cam kết trả hết trong tháng 9 năm 2024. Đối với khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện V, anh không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có yêu cầu, các bên sẽ giải quyết với nhau bằng một vụ án dân sự khác.

Chị Bùi Thị L tự nguyện 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (phần của chị L và phần của anh nếu anh phải nộp), anh đồng ý. Do điều kiện công việc bận, anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt anh.

***\* Tại biên bản xác minh đề ngày 18 tháng 7 năm 2024, ông Bùi Huy T và bà Phạm Thị M (bố mẹ đẻ chị L) trình bày:***

Về thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn giữa chị L và anh V, ông T bà M trình bày như chị L đã khai. Về mâu thuẫn giữa anh chị, theo ông bà được biết là xảy ra từ năm 2022 do chị L đi làm tăng ca, về muộn, anh V ghen tuông nên có mắng chửi chị L. Mặt khác, anh chị không có con chung nên không có sự gắn kết. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã phân tích, hòa giải nhưng không có kết quả. Nếu chị L cương quyết xin ly hôn anh V, ông bà đồng ý theo ý kiến của chị L.

Chị L và anh V không có con chung và không có nghĩa vụ chung về tài sản liên quan đến ông bà.

***\* Tại biên bản xác minh đề ngày 18 tháng 7 năm 2024, đại diện Thôn X, đại diện UBND xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Chị L và anh V đăng ký kết hôn với nhau ngày 05 tháng 01 năm 2015 tại UBND xã VĐ, huyện V. Về mâu thuẫn giữa anh chị xảy ra từ thời gian nào, nguyên nhân chính do đâu, chính quyền địa phương không biết. Nay chị L xin ly hôn anh V, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị L và anh V không có con chung.

Chị L và anh V có khoản nợ vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V, số tiền vay gốc là 60 triệu đồng. Khoản nợ vay này do chị L, anh V và Ngân hàng giải quyết.

**\* *Tại biên bản xác minh đề ngày 18 tháng 7 năm 2024, đại diện Công an xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Chị L và anh V đều đăng ký thường trú tại Thôn X, xã VĐ, huyện V. Về mâu thuẫn giữa anh V, chị L có hay không, Công an xã không biết. Tuy nhiên, Tết âm lịch năm 2022, anh V uống rượu say, khi về nhà anh chị xảy ra cãi vã, anh V có lấy dao chém vào xe máy chị L, sự việc này chị L có trình báo Công an xã, qua hòa giải, chị L đã rút đơn, Công an xã không lập hồ sơ xử lý với anh V về hành vi trên.

**\* *Tại biên bản làm việc đề ngày 06 tháng 9 năm 2024, đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện V, tỉnh Thái Bình (sau đây viết tắt là Agribank), cung cấp:***

Tháng 4 năm 2023, hộ gia đình anh V có phát sinh khoản vay tại Agribank số tiền vay 200 triệu đồng, thời hạn vay 02 năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 11 tháng 4 năm 2025 theo Hợp đồng tín dụng số 3402 LAV202102008 ký kết ngày 09 tháng 4 năm 2021. Hiện dư nợ gốc còn 120 triệu đồng. Đối với khoản vay nợ trên, anh V đã có cam kết trả nợ, do đó, Agribank không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn giữa chị L và anh V. Nếu sau này, bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, có tranh chấp, Agribank sẽ nộp đơn khởi kiện bằng một vụ án khác.

**\* *Tại công văn số 67/CV-NHCS ngày 25 tháng 9 năm 2024, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Căn cứ hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng của hộ gia đình anh V, chị L có hai khoản vay, vay chương trình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền vay 20 triệu đồng, vay chương trình hộ mới thoát nghèo, số tiền vay 40 triệu đồng. Số dư nợ đến hết ngày 25 tháng 9 năm 2024 của hai khoản vay trên là 0 đồng (không đồng).

**\* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có

yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Xử cho chị L được ly hôn anh V. Không đặt ra giải quyết về nuôi con chung, chia tài sản chung và công nợ chung. Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Bùi Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Đình V, anh V có nơi thường trú tại Thôn X, xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.3] Ngày 21 tháng 8 năm 2024, chị Bùi Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ngày 11 tháng 9 năm 2024, anh Phạm Đình V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị L và anh V.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Đình V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01, ngày 05 tháng 01 năm 2015, là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, chị L và anh V có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2022 mới xảy ra mâu thuẫn do anh chị không có con chung dẫn đến tâm lý của cả hai đều chán nản, liên tục xảy ra cãi vã và đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã được gia đình phân tích, hòa giải nhưng không có kết quả. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh V đã thực sự trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Tòa án, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, chị L xin ly hôn, anh V đồng ý. Xét thấy, đề nghị của anh chị là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ly hôn giữa chị L và anh V.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Đình V không có con chung, do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Đình V thống nhất trình bày về chia tài sản chung anh chị tự thỏa thuận phân chia, anh chị không có yêu cầu, đề nghị gì, do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về nghĩa vụ về tài sản:

2.4.1. Đối với khoản vay của chị Bùi Thị L và anh Phạm Đình V tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V, theo Ngân hàng cung cấp, đến hết ngày 25 tháng 9 năm 2024 số dư nợ của khoản vay là 0 đồng (không đồng), như vậy, anh chị đã trả nợ xong khoản nợ trên.

2.4.2. Đối với khoản vay nợ của chị Bùi Thị L và anh Phạm Đình V tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện V, tỉnh Thái Bình, tại Tòa án, chị L, anh V và Ngân hàng đều không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, các bên thống nhất nếu sau này, bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, có tranh chấp, các bên sẽ giải quyết với nhau bằng vụ án dân sự khác. Xét thấy, yêu cầu trên của các bên là tự nguyện, không trái pháp luật, do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.5. Về án phí: Xét việc chị Bùi Thị L đồng ý nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Đình V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Phạm Đình V.
2. Về nuôi con chung: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Đình V không có con chung.
3. Về chia tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng, chị L nộp tạm ứng tại Biên lai số 0001668 ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang án phí. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị L và anh Phạm Đình V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.
6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã VĐ, huyện V, tỉnh Thái Bình (CNKH số 01, quyển số 01, ngày 05 tháng 01 năm 2015);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Dương**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Dương**